

Số: *10* /2020/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *26* tháng *5* năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết 58/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 717/TTr-KHĐT ngày 26 tháng 3 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, như sau:**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**2. Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh.**

## 3. Nội dung và định mức hỗ trợ:

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hệ thống điện</b>			
	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây)	100KVA	100.000	
<b>2</b>	<b>Hệ thống giao thông</b>			
	Đường giao thông trong hàng rào dự án gồm cả hệ thống thoát nước, chống sạt lở (bề dày mặt đường tối thiểu 15cm)	1 m <sup>2</sup>	500	Đường bê tông xi măng, bê tông nhựa
			400	Đường láng nhựa
<b>3</b>	<b>Nhà xưởng</b>			
a	Nhà xưởng cao từ 5m trở lên	1 m <sup>2</sup>	1.000	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên.
b	Nhà xưởng cao dưới 5m	1 m <sup>2</sup>	700	
<b>4</b>	<b>Hệ thống nước sạch</b>			
a	Bể chứa	1 m <sup>3</sup>	1.500	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	1 m	30	Vật liệu nhựa, kim loại.
c	Máy bơm	1 m <sup>3</sup> /giờ	500	
<b>5</b>	<b>Hệ thống xử lý chất thải</b>			
a	Bể lắng, bể sục khí	1 m <sup>3</sup>	1.500	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Hồ chứa nước	1 m <sup>3</sup>	50	
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1 m	70	Vật liệu nhựa, kim loại, bê tông.
d	Máy bơm	1 m <sup>3</sup> /giờ	500	
<b>6</b>	<b>Mua sắm thiết bị</b>			
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	70.000	
b	Nhập từ nước khác	1 tấn	50.000	
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	55.000	

Các nội dung định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình không quy định tại Quyết định này thực hiện theo định mức của Bộ Xây dựng và các quy định khác.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2020. *e*

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các định mức quy định tại Quyết định này là cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giá trị cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư theo Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính toán giá trị nghiệm thu công trình, dự án được hỗ trợ đầu tư tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ cho doanh nghiệp, trường hợp giá trị nghiệm thu doanh nghiệp đề nghị thấp hơn giá trị nghiệm thu tính toán theo các định mức này thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hồ sơ nghiệm thu của doanh nghiệp để tính toán giá trị nghiệm thu.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT (02). LTC (45).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Tiên Dũng**

